

*

Cao Bằng, ngày 19 tháng 7 năm 2022

ĐIỂM THI

Lớp: Trung cấp lý luận chính trị khóa 8 (Thành phố)

Phần B.I - Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam

Ngày thi: 18/6/2022

STT	Họ và tên	Điểm		STT	Họ và tên	Điểm	
		Số	Bằng chữ			Số	Bằng chữ
1	Đoàn Thị Vân Anh	7,25	Bảy phẩy hai năm	41	Nông Thị Huyền My	8,00	Tám
2	Hoàng Thị Chao	7,50	Bảy phẩy năm	42	Nguyễn Thị Huyền My	7,50	Bảy phẩy năm
3	Lôi Thị Chao	7,50	Bảy phẩy năm	43	Lý Thị Mùi	7,50	Bảy phẩy năm
4	Trần Huệ Chi	7,50	Bảy phẩy năm	44	Lục Thị Bích Ngọc	7,00	Bảy
5	Đàm Quang Chiến	7,75	Bảy phẩy bảy năm	45	Nông Thị Ngâm	7,25	Bảy phẩy hai năm
6	Hoàng Ngọc Diệp	6,75	Sáu phẩy bảy năm	46	Dương Thị Nghiệp	7,25	Bảy phẩy hai năm
7	Đàm Đức Dũng	6,75	Sáu phẩy bảy năm	47	Nguyễn Thị Nhã	7,25	Bảy phẩy hai năm
8	Phạm Ngọc Diệp	7,00	Bảy	48	Nguyễn Tuyết Nhung	8,00	Tám
9	Nguyễn Minh Đoàn	7,00	Bảy	49	Ma Thị Oanh	7,75	Bảy phẩy bảy năm
10	Lã Thị Giang	7,50	Bảy phẩy năm	50	Lý Thị Phúc	7,75	Bảy phẩy bảy năm
11	Đinh Văn Giáp	7,50	Bảy phẩy năm	51	Ngô Thị Phượng	8,00	Tám
12	Nông Thị Ngân Hà	7,75	Bảy phẩy bảy năm	52	Hoàng Hải Quý	7,75	Bảy phẩy bảy năm
13	Hoàng Thị Thanh Hà	7,00	Bảy	53	Phùng Thị Quỳnh	7,75	Bảy phẩy bảy năm
14	Nông Thị Thúy Hằng	6,50	Sáu phẩy năm	54	Nông Công Sỹ	7,25	Bảy phẩy hai năm
15	Nông Thị Hằng	7,75	Bảy phẩy bảy năm	55	Phạm Thị Tài	7,50	Bảy phẩy năm
16	Vũ Thị Hằng	7,75	Bảy phẩy bảy năm	56	Chu Văn Tình	7,50	Bảy phẩy năm
17	Đỗ Thị Hằng	7,75	Bảy phẩy bảy năm	57	Lục Toàn Thắng	7,00	Bảy
18	Lâm Thị Hiền	7,00	Bảy	58	Nông Quốc Thắng	8,00	Tám
19	Hoàng Thị Thu Hiền	7,75	Bảy phẩy bảy năm	59	Nguyễn Thị Thuận	8,25	Tám phẩy hai năm
20	Lục Minh Hiền	7,50	Bảy phẩy năm	60	Lục Xuân Trường	7,25	Bảy phẩy hai năm
21	Nguyễn Thị Thanh Hoa	7,25	Bảy phẩy hai năm	61	Phạm Thị Minh Thoa	6,50	Sáu phẩy năm
22	Hoàng Thị Hoan	7,75	Bảy phẩy bảy năm	62	Mã Thị Thu	7,00	Bảy
23	Nông Thị Hồng	7,75	Bảy phẩy bảy năm	63	La Thị Minh Thứ	7,50	Bảy phẩy năm
24	Vũ Thị Hồng	7,50	Bảy phẩy năm	64	Lại Thị Minh Thúy	7,75	Bảy phẩy bảy năm

STT	Họ và tên	Điểm		STT	Họ và tên	Điểm	
		Số	Bảng chữ			Số	Bảng chữ
25	Đông Thanh Huệ	7,75	Bảy phẩy bảy năm	65	Nông Bích Thủy	8,00	Tám
26	Ngân Thị Hương	7,50	Bảy phẩy năm	66	Bé Thị Thanh Thủy	8,00	Tám
27	Vũ Thị Lan Hương	6,75	Sáu phẩy bảy năm	67	Lăng Thị Thủy	7,50	Bảy phẩy năm
28	Phạm Thị Lan Hương	7,75	Bảy phẩy bảy năm	68	Nguyễn Thị Thu Trang	8,00	Tám
29	Nông Thu Hương	7,75	Bảy phẩy bảy năm	69	Phan Thị Thu Trang	8,25	Tám phẩy hai năm
30	Lý Ánh Hường	7,50	Bảy phẩy năm	70	Lương Quang Tuấn	8,00	Tám
31	Lục Đức Khánh		Hoãn thi	71	Nguyễn Thị Tuyền	7,50	Bảy phẩy năm
32	Lục Thị Kiều	7,50	Bảy phẩy năm	72	Nông Thị Tuyết	8,00	Tám
33	Lục Thị Phương Lan	8,00	Tám	73	Bé Xuân Vinh	7,75	Bảy phẩy bảy năm
34	Nông Thị Diệu Linh	8,00	Tám	74	Hoàng Trường Vương	8,00	Tám
35	Phan Khánh Linh	7,75	Bảy phẩy bảy năm	75	Hoàng Thị Kiều Xuân	7,50	Bảy phẩy năm
36	Phan Thị Liên	7,50	Bảy phẩy năm	76	Nguyễn Hải Yến	7,75	Bảy phẩy bảy năm
37	Hoàng Thị Liên	7,75	Bảy phẩy bảy năm	77	Đàm Thị Yến	8,00	Tám
38	Nông Thị Thúy Lư	7,75	Bảy phẩy bảy năm	78	Trần Thị Bạch Yến	7,75	Bảy phẩy bảy năm
39	Đinh Thị Lụa	7,75	Bảy phẩy bảy năm	79	Lương Thị Hải Yến	7,75	Bảy phẩy bảy năm
40	Hà Vũ Mạnh	7,50	Bảy phẩy năm				

Điểm 6,50: 02 điểm; Điểm 6,75: 03 điểm; Điểm 7,00: 07 điểm; Điểm 7,25: 07 điểm 7,50; 20 điểm; Điểm 7,75: 24 điểm; Điểm 8,00: 13 điểm; Điểm 8,25: 02 điểm./.

GHI ĐIỂM

PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO VÀ NCKH

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỞNG PHÒNG

D.H.Liên

Vân Thúy



Trịnh Thị Ánh Hoa

Đoàn Thị Kim Liên

Đoàn Thị Vân Thúy

Trịnh Thị Ánh Hoa